TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CỪ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 6 năm 2025
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ, TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tuấn-Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền và bà Nguyễn Thị Quyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền-Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1991-Có mặt.

Địa chỉ: thôn HĐ, xã N, huyện P, tỉnh H.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1994-Vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn HĐ, xã N, huyện P, tỉnh H.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 11, phân trại số 1, Trại giam Thanh Phong.

Chị H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1964-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn HĐ, xã N, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bầy:

Anh Trần Văn S và chị Đỗ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh H ngày 07/4/2021. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Sau đó chị H vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả, anh S cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị H.

Chị Đỗ Thị H trình bầy: Chị và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh H ngày 07/4/2021. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, chị H bỏ đi và vi phạm pháp luật, vợ chồng không ai quan tâm đến ai từ năm 2023 cho đến nay. Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm nữa, anh S xin ly hôn, chị H cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: anh S, chị H đều trình bầy: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Anh S, chị H đều trình bầy vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh S, chị H đều khẳng định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ gì vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức, ruộng cấy: Anh S, chị H đều khẳng định không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị G là mẹ đẻ anh S cung cấp: Anh S, chị H kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh H ngày 07/4/2021. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Sau đó chị H vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong. Nay anh S xin ly hôn quan điểm của bà là đề nghị Tòa án căn cứ vào ý kiến của vợ chồng để giải quyết. Về con chung, tài sản, nợ, công sức, ruộng cấy: Vợ chồng anh S không có gì. Bà Gái không có yêu cầu gì.

UBND xã N, huyện P, tỉnh H cung cấp:

Anh S, chị H kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh H ngày 07/4/2021. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì mâu thuẫn, sau đó chị H vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong. Vợ chồng không có con chung.

Tại phiên tòa: Anh S vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị H.

Về con chung, tài sản chung, nợ, công sức, ruộng cấy: Anh S khẳng định không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S tự nguyện chịu cả án phí ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt chị H theo Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S. Xử cho anh S được ly hôn.

Về con chung, tài sản, nợ, công sức, ruộng cấy: Vợ chồng không có gì nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Chị Đỗ Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn HĐ, xã N, huyện P, tỉnh H và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa. Chị H nhất trí Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên giải quyết vụ án nên căn cứ theo điểm b, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên giải quyết vụ án này. Chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S và chị Đỗ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh H ngày 07/4/2021 do vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Căn cứ lời trình bầy của các đương sự, người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được thì có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Sau đó chị H vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong. Anh S cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn, chị H cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S, chị H để các bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: anh S, chị H đều trình bầy: Vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về tài sản chung: Anh S, chị H đều trình bầy vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về nợ: Anh S, chị H đều khẳng định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ gì vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về công sức, ruộng cấy: Anh S, chị H đều khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7]. Về án phí: Anh S làm đơn xin ly hôn, chị H nhất trí ly hôn. Tại phiên tòa anh S tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm nên anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn S và chị Đỗ Thị H.

Về con chung: Anh S, chị H không có con chung.

Về tài sản chung: Anh S, chị H đều trình bầy vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ: Anh S, chị H đều khẳng định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ gì vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về công sức, ruộng cấy: Anh S, chị H đều khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Anh S phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004574 ngày 28/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, anh S đã nộp đủ án phí ly hôn. Hoàn trả anh S 150.000 đồng.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tuấn